

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN NGUYỄN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI GREEN NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN NGUYEN CONSTRUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GREEN NGUYEN CONSTRUCTION AND TRADING CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110269412

**3. Ngày thành lập:** 01/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 4/12/44 Ngõ 371, Đường Đại Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0362106888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4390     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Cơ sở bán buôn thuốc<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu<br>(trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội) | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế thông thường loại A, B, C | 4659 |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8299 |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ hoạt động tư vấn kế toán, pháp luật, tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7020 |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Khảo sát xây dựng;<br>- Kiểm định xây dựng;<br>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng<br>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn đấu thầu<br>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>- Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; giám sát công tác hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy; tư vấn chuyên gia công nghệ về phòng cháy chữa cháy, tư vấn thẩm định về phòng cháy chữa cháy.     | 7110 |
| 9.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; Thiết kế nội thất;<br>Tư vấn thiết kế công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410 |
| 10. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1621 |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1629 |
| 12. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4784 |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4931 |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                    | 4933        |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng karaoke và các dịch vụ kèm theo)                               | 5610        |
| 16. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100        |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101(Chính) |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 19. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom mìn)                                                                                                     | 4312        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 24. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

#### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên   | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN QUANG HUY | Việt Nam  | Thôn 12, Xã Sơn Hải, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam              | 1.200.000.000         | 40,000    | 040094010213                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN HỮU TAM   | Việt Nam  | Thôn Kim Ngọc 1, Xã Liên Giang, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | 1.800.000.000         | 60,000    | 034093003415                                                                                            |         |

#### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU TAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/05/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034093003415

Ngày cấp: 20/12/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Kim Ngọc 1, Xã Liên Giang, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Kim Ngọc 1, Xã Liên Giang, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội